

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 21/7/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Trần Khoa

Ông Trần Ngọc Tây

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1968

Địa chỉ: 2 L, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1972; Địa chỉ: D đường N, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa (Văn bản uỷ quyền công chứng số 959 ngày 27/3/2025).

Bà H, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà **Mai Thị Kiều P**, sinh năm 1977

Ông **Phạm P1**, sinh năm 1970

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Lô B, ô 1, tổ A Đường Đ, phường V - thành phố N (nay là phường B), tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở: Lô A, H, xã P - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa.

Bà P, ông P1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Bà có mối quan hệ bạn bè, quen biết lâu năm với cha mẹ của bà Mai Thị Kiều P là ông Mai Thành P2 và bà Kiều Thị L. Trong*

năm 2023 - 2024, bà Mai Thị Kiều P có hỏi vay tiền của bà để có vốn làm ăn, mua dầu đi biển đánh bắt thủy sản và cho con đi xuất cảnh sang Australia. Do tin tưởng cha mẹ bà P, bà đã cho bà P có vay tổng số tiền 500.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 03/05/2023 âm lịch, bà giao trực tiếp số tiền 100.000.000 đồng cho bà P tại nhà của bà.

Lần 2: Ngày 16/05/2024 dương lịch, bà giao trực tiếp số tiền 200.000.000 đồng cho bà P tại nhà của bà, trước sự chứng kiến của bà Kiều Thị L (bà L đã chết ngày 20/12/2024).

Lần 3: Ngày 22/10/2024 dương lịch, bà chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản 0061001076908 của bà Mai Thị Kiều P tại Ngân hàng TMCP N, với nội dung “Trần Thị Thu H chuyển tiền cho mượn”.

Các bên thỏa thuận miệng về thời hạn trả nợ là “*Khi nào bà H cần bà H báo bà P thì bà P sẽ hoàn trả đầy đủ*”. Bà P có tự tay viết và ký vào các giấy nhận nợ các ngày 16/5/2024 dương lịch, 22/10 dương lịch, 03/5/2023 âm lịch. Việc vay tiền các bên thỏa thuận không có tài sản đảm bảo.

Đến cuối năm 2024, do cần tiền để làm ăn, bà đã nhiều lần đến gặp vợ chồng bà Mai Thị Kiều P, ông Phạm Phu Đ yêu cầu thanh toán nợ. Tuy nhiên, vợ chồng bà P chỉ hứa hẹn, rồi tìm trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Vì vậy, ngày 14/02/2025, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm P1, bà Mai Thị Kiều P trả cho bà số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 13/02/2025 (ngày khởi kiện) cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Phu Đ bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông P1, bà P; bà chỉ yêu cầu một mình bà Mai Thị Kiều P thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và tiền lãi như trên một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với các chứng từ sao kê của Ngân hàng do bà P cung cấp cho Tòa án thì bà thừa nhận số tiền 27.000.000 đồng là tiền lãi của khoản nợ vay và bà không tranh chấp, không có yêu cầu Tòa án xem xét đối với khoản tiền này.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Mai Thị Kiều P trình bày:* Bà thừa nhận có vay của bà Trần Thị Thu H số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn và có ký vào các giấy nhận nợ các ngày 16/5/2024 dương lịch, 22/10 dương lịch và 03/5/2023 âm lịch. Bà xác định khoản vay trên là nợ riêng của bà, không liên quan gì đến chồng bà là ông Phạm Phu V ông P1 không biết, không nhận, không sử dụng số tiền vay từ bà H và không có sự việc số tiền vay được sử dụng với mục đích sử dụng để các con của bà đi con đi xuất cảnh sang Australia như nguyên đơn trình bày. Về thời gian vay nợ, cách thức giao tiền vay và thỏa thuận trả nợ thì bà thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn - bà H. Bà xác định khoản vay trên không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận miệng là 3%/tháng trên số tiền nợ gốc. Quá trình vay, bà

đã trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền gốc bằng tiền mặt vào lúc 09 giờ tối tại nhà bà H nhưng không nhớ chính xác vào ngày nào. Ngoài ra, bà còn trả cho bà H hơn 300.000.000 đồng tiền lãi, trong đó có 27.000.000 đồng được chuyển khoản vào số tài khoản 0061001076908 của bà H tại Ngân hàng V1 vào các ngày 05/8/2024, 16/8/2024 và 19/8/2024, phần còn lại được trả bằng tiền mặt tại nhà bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng và xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 8.000.000 đồng thời gian bắt đầu trả nợ từ ngày 30/08/2025 cho đến khi trả hết nợ. Về khoản tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc mà bà H yêu cầu thì bà xin được miễn vì bà không có thu nhập, không có khả năng trả lãi. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét đối với số tiền lãi mà bà đã trả cho bà H trước đây.

** Theo bản tự khai ngày 14/7/2025, bị đơn ông Phạm P1 trình bày:* Ông là chồng của bà Mai Thị Kiều P, vợ chồng ông kết hôn vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X. Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà bà P đã vay của bà Trần Thị Thu H thì khi vay tiền bà P không thông báo cho ông biết, ông không ký nhận nợ, không nhận tiền vay từ bà H, không sử dụng số tiền vay và cũng không rõ bà P sử dụng số tiền trên vào việc gì; đến khi bà H đến nhà đòi nợ bà P thì ông mới biết về số nợ trên. Do đó, ông xác định đây là khoản nợ riêng của bà P, không liên quan gì đến ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông không đồng ý cùng bà P liên đới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ nêu trên cho bà H.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phạm Phú liên Đ1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H đối với bị đơn bà Mai Thị Kiều P. Về án phí, bị đơn bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn có nơi cư trú tại xã P - thành phố N (nay là phường N), tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

Tại phiên tòa, tất cả các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành thủ tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các hợp đồng vay được các bên ký kết không thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay không thời hạn. Xét thấy: Ngày 07/2/2025, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H đã gửi cho bà Mai Thị Kiều P: “Thông báo đòi nợ”; Thông báo đã được gửi đến bà Mai Thị Kiều P theo “Phiếu báo Phát” ngày 11/2/2025, người nhận là bà Mai Thị Kiều P. Đồng thời, bà H và bà P đều thừa nhận bà H nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ từ năm 2024 nhưng đến nay bà P vẫn chưa thực hiện. Do đó, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên việc bà H khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà P là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 469 BLDS.

[2.2] Tại đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý ngày 20/02/2025, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Mai Thị Kiều P, ông Phạm Phú liên Đ1 trả số nợ vay và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Phú P3 liên đới cùng với bà Mai Thị Kiều P trả số nợ 500.000.000 đồng tiền gốc cùng tiền lãi phát sinh cho bà H:

Xét thấy: Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng bà P, ông P1 đều xác định đây là số nợ riêng của bà P, không liên quan đến ông P1. Bản thân bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, ngoài lời trình bày của bà H. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H đã rút yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phạm P1 và chỉ yêu cầu một mình bị đơn bà Mai Thị Kiều P thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn. Việc rút đơn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật theo quy định khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Phạm Phú liên Đ1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng:

Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Vào các ngày 16/5/2024 dương lịch, 22/10 dương lịch, 03/5/2023 âm lịch, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H cho bị đơn bà Mai Thị Kiều P vay tổng số tiền là 500.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà P có lời khai thừa nhận có vay của bà H số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các: “Giấy mượn tiền” có chữ ký của bà H và bà P, lời thừa nhận của bà P để xác định việc bà P có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng là có thật. Hợp đồng vay tiền theo các giấy mượn tiền các ngày 16/5/2024 dương lịch, 22/10 dương lịch, 03/5/2023 âm lịch được các bên tự nguyện giao kết nên phát sinh hiệu lực.

Đối với việc bà P cho rằng đã trả cho bà H số tiền gốc là 100.000.000 đồng và chỉ thừa nhận còn nợ của bà H số tiền gốc là 400.000.000 đồng: Xét thấy ngoài lời trình bày thì bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng

minh cho việc bà đã trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng, đồng thời nguyên đơn bà H không thừa nhận có sự việc trên nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền nợ gốc mà bà P còn nợ của bà H là 500.000.000 đồng nên bị đơn bà P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H đối với số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự 2015.

- Đối với số tiền lãi nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà P phải thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (ngày 13/02/2025) cho đến ngày xét xử sơ thẩm cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền nợ gốc:

Như đã phân tích ở trên, các “ Giấy vay nợ” đều xác định không có kỳ hạn và không ghi lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi với mức 10%/năm là hoàn toàn có căn cứ. Đối với việc bà P cho rằng vì hoàn cảnh khó khăn nên xin số tiền lãi, tuy nhiên nguyên đơn bà H không đồng ý, vậy nên, bà P phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm thì số tiền bà P có nghĩa vụ thanh toán cho bà H là: 159 ngày/365 ngày x 10% x 500.000.000 đồng = 21.780.000 đồng.

Như vậy, bị đơn bà P phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn bà H số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 521.780.000 đồng; Trong đó: Tiền gốc là 500.000.000 đồng; tiền lãi là 21.780.000 đồng.

Ngoài ra, bà P phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho nguyên đơn bà H trên số tiền gốc 500.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/7/2025) cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 đồng.

- Đối với lời trình bày của bà P về việc đã trả cho bà H số tiền lãi hơn 300.000.000 đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy bà H chỉ thừa nhận trong quá trình vay có nhận từ bà P số tiền lãi là 27.000.000 đồng, không thừa nhận các khoản tiền khác. Bà P cũng chỉ cung cấp được hóa đơn, chứng từ chứng minh đã trả số tiền lãi 27.000.000 đồng cho bà H nên lời trình bày của bị đơn về việc đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi hơn 300.000.000 đồng là không có cơ sở. Ngoài ra, bà P có văn bản trình bày không yêu cầu xem xét số tiền lãi đã trả cho bà H trước đây nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (đối với số tiền 521.780.000 đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 357; 463; 466; 468 và 469 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự số 85/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phạm Ph. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Phạm Phu liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu H đối với bị đơn bà Mai Thị Kiều P.

Buộc bị đơn bà Mai Thị Kiều P phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Trần Thị Thu H số tiền gốc và lãi (*theo các giấy mượn tiền các ngày các ngày 16/5/2024 dương lịch, 22/10 dương lịch, 03/5/2023 âm lịch*) tính đến hết ngày 21/7/2025 là **521.780.000** đồng (*Năm trăm hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*) - trong đó bao gồm nợ gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi: 21.780.000 đồng.

Ngoài ra, bà Mai Thị Kiều P phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh cho bà Trần Thị Thu H trên số tiền gốc 500.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 22/7/2025*) cho đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Mai Thị Kiều P phải chịu 24.871.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu H 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003792 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Quy định: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 1 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bảo Trâm